TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đặng Thị Thanh Thảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Phú Hữu

Bà Bùi Thị Hoàng

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Cao Thanh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 292/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 246/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số nhà C, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Tấn H1, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số F, Tổ A, Khóm A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/2024, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Tấn H1 kết hôn năm 1989 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, được cấp

giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04, ngày 24/4/1989. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng đầu năm 2022, ông H1 thường xuyên kiếm chuyện chửi bới vợ con, vợ chồng không có tiếng nói chung làm cho gia đình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cự cãi, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Từ tháng 10/2023 cho đến nay, bà và ông H1 sống ly thân, dù vợ chồng đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không thành, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Trần Thị Ngọc H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn H1.

Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Tấn H1 có 01 con chung là tên Nguyễn Hữu H2, sinh ngày 12/10/1991. Con chung Nguyễn Hữu H2 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu nào khác, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Ông Nguyễn Tấn H1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà, không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn H1 và không có yêu cầu về việc nuôi con chung do con chung đã trưởng thành, không có yêu cầu tài sản chung, nợ chung. Như vậy, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Tấn H1 có địa chỉ tại Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Thápnên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt đương sự tại phiên toà: Bị đơn ông Nguyễn Tấn H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên xét xử

vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Tấn H1 kết hôn năm 1989 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04, ngày 24/4/1989 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Trần Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Tấn H1 vì mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn. Tại phiên toà, ông Nguyễn Tấn H1 vắng mặt, không có văn bản trình bày kiến. Xét thấy, ông Nguyễn Tấn H1 không thể hiện ý muốn hàn gắn, quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Tấn H1 có nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Tấn H1 có 01 con chung là tên Nguyễn Hữu H2, sinh ngày 12/10/1991. Con chung Nguyễn Hữu H2 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông H1 không có văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Tấn H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc H. Bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Tấn H1.

Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009727 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Bà Trần Thị Ngọc H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn

Ông Nguyễn Tấn H1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND TPCL;
- TAND Tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Mỹ Long, HCL (số 04 ngày 24/4/1989)
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Thanh Thảo